

BẢNG TỔNG KẾT HỌC TẬP NĂM HỌC 2014 - 2015

Số thứ tự	HỌC PHẦN						Kinh tế CN và quản trị chất lượng	Máy cắt kim loại	Đồ gá	Công nghệ chế tạo máy 2	Truyền động thủy lực và khí nén trong CN	Công nghệ CNC	Công nghệ CAD/CAM		Thực tập Phay 1			Thực tập Phay 2	Thực tập CAD/CAM/ CNC	Thực tập CNC	Thực tập Tốt nghiệp	TBC HỌC TẬP	KẾT QUẢ ĐỀ THI	XẾP LOẠI HT		KHEN THƯỞNG	GHI CHÚ	
	SỐ DVHT						3	2	4	5	2	5	5		3		3	4	2	6	44							
	MSSV	Họ tên sinh viên	HỆ CHUẨN	NGÀY NGHỈ		TKHP Chính	TKHP Phụ	TKHP Chính	TKHP Phụ	TKHP Chính	TKHP Phụ	TKHP Chính	TKHP Phụ	TKHP Chính	TKHP Phụ	TKHP Chính	TKHP Phụ	TKHP Chính	TKHP Phụ	TKHP Chính	TKHP Phụ	TKHP Chính		TKHP Phụ	Kỳ thi Chính			Kỳ thi Phụ
				P	K																							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)
1	12D2010006	Lê Triều Anh		0	5	7	9	7	6	8	7	6		7				6	6	8	9	7.07	69	Khá				
2	12D2010008	Trần Thanh Ân		0	1	7	8	7	6	6	8	6		7				7	7	7	10	7.30	66	Khá				
3	12D2010010	Hồ Phước Ngọc Bảo		0	0	6	6	7	7	7	6	7		6				6	6	6	10	6.91	65	TB Khá				
4	12D2010014	Đổng Đăng Cường		0	0	8	7	7	6	8	7	6		7				6	7	8	10	7.27	68	Khá				
5	12D2010018	Bùi Tấn Dân		2	8	6	7	6	6	7	7	7		6				6	6	6	10	6.86	58	TB Khá				
6	12D2010026	Nguyễn Xuân Duyên		0	0	7	6	7	6	6	7	7		6				7	7	6	10	7.09	70	Khá				
7	12D2010028	Nguyễn Tuấn Đăng		0	0	7	8	7	6	8	7	6		7				7	8	7	10	7.36	67	Khá				
8	12D2010034	Vũ Tuấn Đạt		0	1	6	7	7	5	6	7	6		7				6	6	6	10	6.75	71	TB Khá				
9	12D2010038	Lưu Đình		0	3	7	7	7	6	8	7	6		7				6	6	7	10	7.07	64	Khá				
10	12D2010040	Nguyễn Văn Đoàn		5	4	5	5	6	6	7	5	6		6				6	6	8	10	6.45	57	TB Khá				
11	12D2010042	Trần Hữu Đức		0	1	6	6	7	6	4	6	4	4	6	6			6	6	7	10	6.36	64,5	57	TB Khá	TB Khá		
12	12D2010046	Trần Hoàng Giang		2	3	6	7	7	6	8	8	6		7				6	7	8	10	7.25	74	Khá				
13	10D0020237	Phan Văn Xuân Hậu		0	4	7	8	7	7	8	5	7		6				6	7	6	10	7.09	65	Khá				
14	12D2010062	Nguyễn Nhật Hòa		1	1	7	7	7	7	6	6	7		7				6	6	5	10	7.00	65	Khá				
15	12D2010070	Đặng Tuấn Huy		0	0	6	7	6	6	7	5	5		5				6	6	6	8	6.20	61	TB Khá				
16	12D2010072	Lê Ngọc Huy		0	3	7	5	7	5	6	5	6		6				6	6	5	8	6.11	61	TB Khá				
17	12D2010074	Nguyễn Trọng Khang		0	2	7	7	7	6	8	7	7		7				6	7	9	9	7.23	67	Khá				
18	12D2010082	Nguyễn Hoàng Lâm		0	8	8	9	7	6	7	8	7		6				7	6	7	9	7.27	72	Khá				
19	12D2010086	Phan Vũ Linh		2	1	7	6	7	6	6	5	6		7				6	5	8	10	6.66	73	TB Khá				
20	12D2010092	Phùng Ngọc Long		3	16	6	6	7	6	8	9	6		6				6	7	6	8	6.89	55	TB Khá				
21	12D2010098	Nguyễn Công Minh		0	0	7	8	7	6	8	9	8		7				6	8	9	10	7.84	70	Khá				
22	12D2010102	Phạm Anh Nhiệm		0	4	8	7	6	6	9	5	7		6				5	6	7	9	6.70	60	TB Khá				
23	12D2010106	Lê Hoàng Nhân		0	3	8	9	7	6	8	7	7		7				6	6	8	9	7.25	72	Khá				
24	12D2010108	Dương Quốc Pháp		0	1	7	8	7	6	8	6	6		7				6	7	6	10	7.05	64	Khá				
25	12D2010110	Linh Diệu Phú		0	0	7	8	7	6	9	8	7		7				6	7	7	10	7.48	72	Khá				
26	12D2010114	Nguyễn Hoài Phúc		0	22	5	3	5	5	5	3	5	4	4	5	5		5	6	7	8	10	5.77	5,95	47	T.Bình	T.Bình	
27	12D2010129	Cao Văn Sa		3	5	7	6	6	5	5	5	3	5	6	6			6	5	5	9	5.73	5,95	57	T.Bình	T.Bình		
28	12D2010131	Huỳnh Văn Sang		1	1	6	6	7	6	6	5	5		5				6	6	6	7	6.00	59	TB Khá				
29	12D2010137	Phạm Ngọc Đăng Tâm		1	3	6	7	7	5	5	6	6		6				6	6	5	10	6.48	57	TB Khá				
30	12D2010141	Phạm Minh Tấn		1	14	5	6	5	6	4	5	3	3	5	5			6	7	5	7	5.41	5,45	53	T.Bình	T.Bình		
31	12D2010143	Nguyễn Phước Tây		0	4	5	6	5	6	5	4	4	5	6				6	6	5	10	5.95	5,95	55	T.Bình	T.Bình		
32	12D2010149	Mai Minh Thắng		0	7	5	7	6	5	6	5	7		7				6	6	9	7	6.20	62	TB Khá				
33	12D2010152	Giáp Văn Thanh		0	3	6	7	7	6	7	7	7		6				6	6	5	10	6.91	69	TB Khá				
34	12D2010165	Phạm Công Thiện		0	0	8	8	7	6	8	8	8		7				6	7	7	10	7.61	65	Khá				
35	12D2010167	Phạm Việt Thịnh		0	2	8	8	7	6	9	8	8		6				6	7	8	7	7.23	63	Khá				
36	12D2010168	Nguyễn Văn Thuộc		0	15	5	6	6	6	5	6	6		6				6	8	5	7	6.16	48	TB Khá				
37	12D2010198	Trần Văn Ti		3	7	5	7	6	6	7	7	6		6				6	7	6	10	6.77	58	TB Khá				
38	12D2010171	Phùng Thanh Tịch		2	13	5	5	6	5	4	5	5		6				7	6	8	10	6.16	6,20	53	TB Khá	TB Khá		
39	12D2010182	Nguyễn Tấn Trương		3	3	6	8	6	6	8	6	6		6				6	5	7	10	6.68	58	TB Khá				
40	12D2010184	Nguyễn Đức Truyền		1	3	6	5	6	6	4	5	5		6				6	6	6	9	6.16	6,20	56	TB Khá	TB Khá		
41	12D2010188	Nguyễn Thiện Vạn		1	6	5	6	7	6	9	7	7		6				6	6	7	8	6.48	64	TB Khá				
42	12D2010192	Trương Hoàng Quang Vinh		0	0	6	7	6	5	6	5	6		6				5	7	9	8	6.25	63	TB Khá				
43	12D2010196	Dương Lý Vương		4	11	8	7	7	5	8	7	5		6				5	6	7	10	6.77	63	TB Khá				
44	12D2010180	Nguyễn Thành Trung		3	6	6	5	6	5	6	6	5		6				6	7	9	10	6.50	58	TB Khá				

THÔNG KÊ KẾT QUẢ HỌC TẬP		
(căn cứ vào điểm trung bình chung học tập)		
Loại Xuất sắc	(9 đến 10)	0 SV 0 %
Loại Giỏi	(8 đến cận 9)	0 SV 0 %
Loại Khá	(7 đến cận 8)	17 SV 38.64 %
Loại Trung bình khá	(6 đến cận 7)	23 SV 52.27 %
Loại Trung bình	(5 đến cận 6)	4 SV 9.09 %
Loại Yếu	(4 đến cận 5)	0 SV 0 %
Loại Kém	(dưới 4)	0 SV 0 %
Chưa đủ dữ liệu để xếp loại		

Ngày tháng năm 201
HIỆU TRƯỞNG

Ngày tháng năm 201
TRƯỞNG KHOA

Ngày tháng năm 201
GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM

Lư Thị Yến Vũ